

JONATHAN EVANS, KESLEY JO STARR,
MANOLO CORICHI, WILLIAM MINER*

PHẬT GIÁO, ISLAM GIÁO VÀ ĐA DẠNG TÔN GIÁO Ở NAM Á VÀ ĐÔNG NAM Á

Tóm tắt: Năm 2022, Pew Research Centre thực hiện cuộc khảo sát về một số khía cạnh liên quan đến đa dạng tôn giáo ở sáu quốc gia Nam Á và Đông Nam Á. Nghiên cứu này là một phần của Dự án Tương lai Tôn giáo Toàn cầu (Pew-templeton Global Religious Future project) của Pew nhằm tìm hiểu những thay đổi và ảnh hưởng của tôn giáo đối với xã hội trên thế giới. Cuối năm 2023, Pew đã công bố kết quả khảo sát đầy đủ trên website: www.pewresearch.org với tiêu đề “Buddhism, Islam and Religious Pluralism in South and Southeast Asia” của nhóm tác giả Jonathan Evans, Kesley Jo Starr, Manolo Corichi và William Miner. Trong giới hạn số trang của Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, chúng tôi trích dịch phần tổng quan kết quả nghiên cứu của Báo cáo và sẽ tiếp tục chuyển ngữ các nội dung chính để giới thiệu tới độc giả.

Từ khóa: Biến đổi tôn giáo, đa dạng tôn giáo, Phật giáo, Islam giáo, Nam Á, Đông Nam Á

Phương pháp tiến hành nghiên cứu

Trong báo cáo này, chúng tôi khảo sát 13.122 người trưởng thành ở sáu quốc gia châu Á, sử dụng các phương pháp lấy mẫu đại diện trên toàn quốc. Các cuộc phỏng vấn được tiến hành trực tiếp ở Campuchia, Indonesia, Sri Lanka và Thái Lan. Ở Malaysia và Singapore, phỏng vấn được thực hiện qua điện thoại di động. Các phỏng vấn viên địa phương thực hiện cuộc khảo sát này từ tháng 6 đến tháng 9/2022 bằng tám ngôn ngữ.

Cuộc khảo sát này là một phần của Dự án “Pew-Templeton Global Religious Futures”, do Trung tâm Nghiên cứu Pew thực hiện để

* Trung tâm Nghiên cứu Pew.

Ngày nhận bài: 8/7/2024; Ngày biên tập: 07/8/2024; Duyệt đăng: 12/11/2024.

nghiên cứu biến đổi tôn giáo và tác động của nó đối với các xã hội trên thế giới. Trung tâm nghiên cứu này trước đây đã thực hiện các cuộc khảo sát về tôn giáo ở các vùng: cận Sahara của châu Phi, Bắc Trung Đông của châu Phi và nhiều quốc gia có phần đông dân số theo Islam giáo; Mỹ La Tinh; Israel; Trung và Đông Âu; Tây Âu; Ấn Độ; và Hoa Kỳ.

Cuộc khảo sát lần này tiến hành ở ba quốc gia có tín đồ Phật giáo chiếm đa số dân số (Campuchia, Sri Lanka và Thái Lan), hai quốc gia có tín đồ Islam giáo chiếm đa số (Malaysia và Indonesia), và một quốc gia đa dạng về tôn giáo, không có nhóm tôn giáo nào chiếm đa số (Singapore). Chúng tôi cũng đang khảo sát thêm năm quốc gia và vùng lãnh thổ ở châu Á, để đưa vào trong một báo cáo sắp tới.

Để nâng cao khả năng hiểu của người trả lời về các câu hỏi khảo sát và đảm bảo tất cả các câu hỏi đều phù hợp về mặt văn hóa, Trung tâm Nghiên cứu Pew đã tuân theo quy trình phát triển bảng câu hỏi nhiều giai đoạn, bao gồm việc tham vấn với các chuyên gia học thuật cũng như các nhóm tập trung và phỏng vấn sâu ở nhiều quốc gia Châu Á. Ngoài ra, điều tra sơ bộ đã được tiến hành ở mỗi quốc gia trước khi cuộc khảo sát quốc gia được thực hiện. Bảng câu hỏi được soạn thảo bằng tiếng Anh và được dịch sang bảy thứ tiếng. Các nhà ngôn ngữ học chuyên nghiệp thông thạo tiếng bản ngữ đã kiểm tra bản dịch một cách độc lập.

Người trả lời được lựa chọn theo thiết kế chọn mẫu xác suất. Ở Thái Lan, khảo sát này bao gồm các cuộc phỏng vấn bổ sung ở khu vực miền Nam, nơi có tỷ lệ người theo Islam giáo lớn hơn. Dữ liệu được tính trọng số để tính đến các xác suất lựa chọn khác nhau giữa những người trả lời và để phù hợp với các tiêu chuẩn nhân khẩu học cho dân số trưởng thành của mỗi quốc gia.

Các quốc gia được lựa chọn trong nghiên cứu

Các cuộc khảo sát trước đây của Trung tâm Nghiên cứu Pew về tôn giáo trên thế giới đã tập trung vào các khu vực địa lý được xác định rõ ràng, từng quốc gia hoặc các nhóm tôn giáo cụ thể. Lựa chọn sáu quốc gia trong cuộc khảo sát lần này - ba quốc gia có đa số theo Phật giáo, hai quốc gia có đa số theo Islam giáo và một quốc gia có nhiều tôn giáo khác nhau – có lẽ là một cách nhóm mẫu lựa chọn ít tự nhiên hơn. Mặc dù các quốc gia này khá gần nhau về mặt địa lý nhưng không phải tất cả đều ở Đông Nam Á (Sri Lanka thường được xếp vào

nhóm Nam Á) và nhiều quốc gia Đông Nam Á khác không được đưa vào nghiên cứu này.

Tuy nhiên, mục tiêu chính của cuộc khảo sát là tìm hiểu tôn giáo ở Đông Nam Á và Phật giáo nói riêng. Cuộc khảo sát này bao gồm ba trong số bảy quốc gia có đa số dân theo Phật giáo trên thế giới – Campuchia, Sri Lanka và Thái Lan. Phật tử ở các quốc gia này chủ yếu theo truyền thống Phật giáo Nam tông (Theravada), đây là một lý do chính để nghiên cứu này bao gồm cả Sri Lanka, một đất nước có các mối quan hệ văn hóa và tôn giáo lâu đời với một số quốc gia Đông Nam Á.

Lào và Myanmar cũng là các quốc gia Đông Nam Á có đa số Phật tử theo truyền thống Phật giáo Nam tông (Theravada), nhưng thực tế chính trị và những lo ngại về an ninh ở các quốc gia này không cho phép tiến hành các cuộc khảo sát độc lập, đáng tin cậy về các chủ đề nhạy cảm vào thời điểm này.

Cuộc khảo sát này cũng bao gồm các quốc gia có đa số dân theo Islam giáo là Indonesia và Malaysia cũng như quốc gia đa dạng về tôn giáo như Singapore để đưa ra những quan điểm so sánh về sự giao thoa giữa tôn giáo và bản sắc dân tộc ở Đông Nam Á.

Phương pháp luận

Trung tâm Nghiên cứu Pew đã thực hiện các cuộc khảo sát ngẫu nhiên, dựa trên xác suất đối với 13.122 người trưởng thành (từ 18 tuổi trở lên) ở sáu quốc gia Nam và Đông Nam Á: Campuchia, Indonesia, Malaysia, Singapore, Sri Lanka và Thái Lan. Cuộc phỏng vấn được thực hiện dưới sự chỉ đạo của Hiệp hội Nghiên cứu Langer. Ở Malaysia và Singapore, các cuộc phỏng vấn được thực hiện thông qua phỏng vấn qua điện thoại có sự hỗ trợ của máy tính (CATI). Ở Campuchia, Indonesia, Sri Lanka và Thái Lan, các cuộc phỏng vấn được thực hiện trực tiếp bằng máy tính bảng, còn được gọi là phỏng vấn cá nhân có sự hỗ trợ của máy tính (CAPI). Tất cả các cuộc khảo sát đều được thực hiện từ ngày 01/6 đến ngày 04/9/2022.

Các cuộc khảo sát được thiết kế để mang tính đại diện trên toàn quốc, với các mẫu từ khoảng 1.500 đến 2.600 người trả lời ở mỗi quốc gia, cho phép các nhà nghiên cứu phân tích ý kiến của người trả lời theo độ tuổi, giới tính, trình độ học vấn và tôn giáo. Ở Thái Lan, khu vực phía Nam đã được lấy mẫu vượt mức để đảm bảo có đủ mẫu người Islam giáo để phân tích.

Công việc thực địa mất khoảng mười tuần đối với các nước áp dụng phương pháp phỏng vấn CATI và trung bình là 11 tuần đối với các nước áp dụng phương pháp phỏng vấn CAPI. Ở Sri Lanka, các cuộc biểu tình rộng rãi chống lại chính phủ đã buộc phải tạm dừng nghiên cứu thực địa trong một thời gian ngắn vào ngày 10 và 11/7.

Kích cỡ mẫu, sai số và ngôn ngữ			
	Kích cỡ mẫu	Sai số ($\pm$)	Ngôn ngữ
Cambodia	1,502	3.6 %	Khmer
Indonesia	2,571	2.9 %	Bahasa Indonesia
Malaysia	1,999	3.0 %	Hoa, tiếng Anh, Malay
Singapore	2,036	2.7 %	Hoa, tiếng Anh, Malay
Sri Lanka	2,510	2.8 %	Sinhala, Tamil
Thái Lan	2,504	2.9 %	Thái

Các cuộc khảo sát qua điện thoại dựa trên các mẫu xác suất quay số ngẫu nhiên (RDD) của người dùng điện thoại di động dựa trên kế hoạch đánh số quốc gia. Các cuộc phỏng vấn được thực hiện với người trả lời điện thoại, nếu người đó từ 18 tuổi trở lên. Có tới bảy nỗ lực đã được thực hiện để hoàn thành cuộc phỏng vấn. Tại Singapore, chỉ những người thường trú và công dân mới được chọn tham gia cuộc khảo sát để phù hợp với dữ liệu điều tra dân số quốc gia cho việc tính trọng số.

Trong các mẫu hỏi trực tiếp, các cuộc khảo sát được thực hiện bằng cách chọn ngẫu nhiên các hộ gia đình. Tất cả các mẫu đều dựa trên thiết kế cụm nhiều tầng, thường bao gồm sự phân tầng theo tỷ lệ theo quy mô khu vực và địa phương hoặc mức độ đô thị và lựa chọn các đơn vị lấy mẫu bậc 1 (PSU) tỷ lệ với quy mô dân số. Các nhóm phỏng vấn được giao nhiệm vụ đến các điểm xuất phát đã được chỉ định ở cấp khu phố hoặc cấp phố và tuân theo bảng hỏi có các điều kiện trước đối với người trả lời để liên hệ với một nhóm hộ gia đình được lựa chọn ngẫu nhiên. Trong các hộ gia đình, thiết bị CAPI chọn ngẫu nhiên một người trả lời để phỏng vấn từ danh sách chi tiết tất cả các thành viên trưởng thành trong hộ gia đình. Ở Indonesia, khoảng 5%

tổng dân số không thể tiếp cận được do mất an ninh, cơ sở hạ tầng kém hoặc quá xa xôi. Ở Thái Lan, khoảng 2% dân số không thể tiếp cận được do lo ngại về an ninh.

Bảng hỏi được thiết kế bởi nhân viên Trung tâm Nghiên cứu Pew với sự tham vấn của các chuyên gia về vấn đề có liên quan và các cố vấn dự án. Trong giai đoạn đầu của quá trình phát triển bảng hỏi, ba nhóm cốt lõi đã được tiến hành ở Sri Lanka và ba nhóm nữa được tổ chức ở Thái Lan để khám phá và xác định các chủ đề chính liên quan đến tôn giáo, quan hệ giữa các nhóm và chủ nghĩa dân tộc. Ngoài ra, hai cuộc phỏng vấn về nhận thức đã được thực hiện ở Thái Lan để kiểm tra cách diễn đạt của một số câu hỏi và khái niệm. Tất cả công việc định tính đều được Ipsos MORI giám sát. Bảng câu hỏi khảo sát đầy đủ đã được thử nghiệm trước ở tất cả các quốc gia trước khi tiến hành nghiên cứu thực địa. Một số ít câu hỏi chính trị đã được chuyển từ trên xuống cuối cuộc khảo sát ở Sri Lanka do tính nhạy cảm về chính trị, nhằm giảm khả năng bị từ chối và gián đoạn.

Ở Singapore và Malaysia, các mẫu được tính trọng số bằng cách sử dụng phương pháp khớp tỷ lệ lặp lại (cào) phù hợp với độ tuổi, giới tính, trình độ học vấn và phân bố dân số khu vực trong mẫu với các thông số từ dữ liệu điều tra dân số mới nhất có sẵn của mỗi quốc gia. Đối với các quốc gia áp dụng phỏng vấn trực tiếp, dữ liệu trước tiên được tính trọng số để tính đến các xác suất lựa chọn khác nhau giữa những người trả lời. Sau đó, nó được sắp xếp để căn chỉnh các mẫu với số liệu dân số chính thức về độ tuổi, giới tính, trình độ học vấn, thành thị và khu vực, bao gồm cả việc căn chỉnh mẫu lớn ở miền Nam Thái Lan với tỷ lệ dân số thực tế của khu vực đó. Các kiểm tra ý nghĩa về mặt thống kê được sử dụng để xem xét thiết kế của cuộc khảo sát (ví dụ: lấy mẫu theo cụm ở các quốc gia được áp dụng phỏng vấn trực tiếp) và áp dụng trọng số (ví dụ: xác suất lựa chọn và tính toán các thông số điều tra dân số).

Tổng quan kết quả khảo sát

Ở Thái Lan, Campuchia và Sri Lanka, những người theo Phật giáo nhận thấy có mối liên hệ chặt chẽ giữa tôn giáo và đất nước của họ, điều này cũng đúng với người Islam giáo ở Malaysia và Indonesia

Khi một số thực hành và triết lý liên quan đến Phật giáo đã trở nên phổ biến hơn ở Mỹ và các nước phương Tây khác, nhiều người Mỹ có

thể cho rằng Phật giáo có liên quan với chính niệm hoặc thiền định. Tuy nhiên, ở những nơi khác trên thế giới, Phật giáo không chỉ là một triết lý về tinh thần và thể xác – mà còn là một phần trung tâm của bản sắc dân tộc. Theo một cuộc khảo sát của Trung tâm Nghiên cứu Pew năm 2022 đối với sáu nước ở Nam và Đông Nam Á, ở Campuchia, Sri Lanka và Thái Lan – những quốc gia có ít nhất 70% người trưởng thành theo Phật giáo – có hơn 9/10 người theo Phật giáo nói rằng, việc trở thành phật tử là điều quan trọng để thực sự trở thành một phần của quốc gia họ. Ví dụ, 95% phật tử Sri Lanka nói rằng việc trở thành phật tử là điều quan trọng để trở thành một người Sri Lanka thực sự - trong đó có 87% nói rằng Phật giáo *rất* quan trọng để trở thành một người Sri Lanka đích thực.

Mặc dù, hầu hết người dân ở những quốc gia này đều xác định mình là phật tử về mặt tôn giáo, nhưng có sự nhất trí rộng rãi rằng Phật giáo không chỉ là một tôn giáo¹. Đại đa số phật tử ở Campuchia, Sri Lanka và Thái Lan không chỉ mô tả Phật giáo là “một tôn giáo mà người ta chọn theo”, mà còn nói rằng Phật giáo là “một nền văn hóa mà họ thuộc về” và “một truyền thống gia đình mà người ta phải tuân theo”.

Hầu hết phật tử ở các quốc gia này cũng coi Phật giáo là “một dân tộc mà họ được sinh ra” - chẳng hạn, 76% phật tử Campuchia giữ quan điểm này.

Phật giáo và luật pháp quốc gia ở các quốc gia có phật tử chiếm đa số

Tầm quan trọng của Phật giáo đối với bản sắc quốc gia được phản ánh nổi bật ở luật pháp ba nước đều nhượng bộ Phật giáo. Theo Hiến pháp Campuchia, Phật giáo là tôn giáo quốc gia và yêu cầu nhà nước phải hỗ trợ các trường học Phật giáo. Hiến pháp hiện nay của Sri Lanka đảm bảo Phật giáo “có vị trí hàng đầu” và giao cho chính phủ trách nhiệm “bảo vệ và nuôi dưỡng” Phật giáo. Và các Hiến pháp Thái Lan trong suốt thế kỷ trước đã tăng sự ưu trội chính thức của Phật giáo, với bản hiến pháp gần đây nhất yêu cầu nhà nước “có các biện pháp và cơ chế để ngăn chặn không để Phật giáo bị coi thường dưới mọi hình thức”.

Theo khảo sát, hầu hết phật tử ở cả ba quốc gia đều ủng hộ việc xây dựng luật pháp quốc gia dựa trên Phật pháp – một khái niệm có phạm vi rộng bao gồm kiến thức, học thuyết và thực hành bắt nguồn từ

những lời dạy của Đức Phật. Quan điểm này gần như tuyệt đối ở các phật tử Campuchia (96%), còn phần nhỏ hơn các phật tử ở Sri Lanka (80%) và Thái Lan (56%) ủng hộ việc xây dựng luật pháp quốc gia dựa trên giáo lý và thực hành Phật giáo.

Vai trò của các nhà lãnh đạo tôn giáo trong chính trị

Khi được hỏi về vai trò của các nhà lãnh đạo tôn giáo trong đời sống công cộng, phật tử Campuchia một lần nữa nổi bật là những người ủng hộ sự giao thoa giữa tôn giáo và chính phủ. Ví dụ, có 81% phật tử Campuchia nói rằng các nhà lãnh đạo tôn giáo nên bỏ phiếu trong các cuộc bầu cử chính trị, tiếp đến là tỷ lệ nhỏ hơn của những người phật tử ở Sri Lanka (66%) và Thái Lan (54%). (Hiến pháp Thái Lan cấm các tu sĩ Phật giáo, người mới xuất gia, người tu khổ hạnh và linh mục bỏ phiếu).

Nhưng ngay cả ở Campuchia, với sự ủng hộ gần như tuyệt đối đối với việc xây dựng luật pháp dựa trên Phật pháp, không quá một nửa số phật tử nói rằng các nhà lãnh đạo tôn giáo nên tham gia các cuộc biểu tình chính trị (50%), nói chuyện công khai về các chính trị gia mà họ ủng hộ (47%) hoặc bản thân họ cũng là chính trị gia (45%).

Vai trò của Islam giáo ở Indonesia và Malaysia

Ở một khía cạnh nào đó, mối liên hệ của Phật giáo với bản sắc quốc gia ở các quốc gia trên diễn ra song song với vai trò của Islam giáo ở các quốc gia láng giềng có đa số dân theo Islam giáo là Indonesia và Malaysia. Gần như tất cả tín đồ Islam giáo ở cả hai nước này đều nói rằng việc trở thành tín đồ Islam giáo là điều quan trọng để trở thành người Indonesia hoặc người Malaysia thực sự. Và người Islam giáo ở cả hai nước thường mô tả Islam giáo là một nền văn hóa, truyền thống gia đình hay dân tộc tính – chứ không chỉ là “một tôn giáo mà người ta chọn theo”. Ví dụ, 3/4 người Islam giáo ở Malaysia nói rằng Islam giáo là “một dân tộc mà họ được sinh ra ở đó”.

Kể từ khi thoát khỏi chế độ thuộc địa vào thế kỷ XX, hai quốc gia này đã đi theo những con đường khác nhau về vai trò của tôn giáo trong chính phủ, nhưng hầu hết người Islam giáo ở cả hai quốc gia đều ủng hộ việc đưa Shariah trở thành luật chính thức của đất nước. Người Islam giáo ở Malaysia, nơi Islam giáo là tôn giáo chính thức, ủng hộ áp đảo việc sử dụng Shariah làm luật quốc gia (86%). Theo cuộc khảo sát của Trung tâm Nghiên cứu Pew năm 2011-2012 về các quốc gia có đa số dân theo Islam giáo, hầu hết người Islam giáo ở Malaysia cũng

đã muốn đưa luật Islam giáo thành luật chính thức của đất nước từ một thập niên trước đó².

Sự ủng hộ dành cho Shariah (giáo luật Islam giáo – ND) có phần thấp hơn trong số những người Islam giáo ở Indonesia, nơi mà những người soạn thảo hiến pháp năm 1945 cuối cùng loại bỏ cách diễn đạt ủng hộ Islam giáo một cách rõ ràng nhưng vẫn viết rằng, nhà nước “dựa trên niềm tin vào Một và Duy nhất Thượng đế”. Sự thỏa hiệp đạt được này đôi khi được phân loại như là dạng “chủ nghĩa thế tục ôn hòa” với “sự tách biệt tương đối (không phải tuyệt đối) giữa nhà nước và tôn giáo”. Ngày nay, 64% người Islam giáo Indonesia nói rằng Shariah nên được sử dụng làm luật của đất nước. Phần lớn người Islam giáo trong nước cũng ủng hộ việc đưa luật Islam giáo trở thành luật chính thức của quốc gia khi được hỏi vào năm 2011-2012.

Người Islam giáo ở cả Indonesia và Malaysia có tỷ lệ cao hơn các Phật tử được khảo sát ở các nước láng giềng ủng hộ vai trò cấp cao của các nhà lãnh đạo tôn giáo trong chính trị. Ví dụ, nhiều người Islam giáo ở Indonesia (58%) và Malaysia (69%) cho rằng các nhà lãnh đạo tôn giáo nên nói chuyện công khai về các chính trị gia và đảng phái chính trị mà họ ủng hộ, trong khi khoảng một nửa hoặc ít hơn số Phật tử ở Campuchia, Sri Lanka và Thái Lan ủng hộ quan điểm tương tác tôn giáo trong chính trị.

Thái độ đối với các tôn giáo khác

Cùng với ba quốc gia có đa số dân theo Phật giáo và hai quốc gia có đa số dân theo Islam giáo, cuộc khảo sát còn bao gồm Singapore - quốc gia không có tôn giáo nào chiếm đa số và ở một mức độ nào đó thì đây là xã hội đa dạng về tôn giáo nhất thế giới. Theo điều tra dân số gần đây nhất, 31% người trưởng thành ở Singapore nhận mình là Phật tử, 20% không theo tôn giáo nào (tức là họ nói rằng họ không có tôn giáo), 19% theo Kitô giáo và 15% theo Islam giáo; 15% dân số còn lại bao gồm người theo Hindu giáo, Sikh giáo, Đạo giáo và những người theo tôn giáo truyền thống Trung Hoa, cùng những tôn giáo khác.

Phần lớn người Singapore (56%) nói rằng, việc có nhiều người thuộc nhiều tôn giáo, dân tộc và văn hóa khác nhau khiến đất nước của họ trở thành một nơi đáng sống hơn, trong khi rất ít người Singapore (4%) cho rằng, điều đó khiến đất nước của họ trở thành một nơi tồi tệ hơn. (Những người được hỏi khác, chiếm 37% số người trả

lời, nói rằng sự đa dạng như vậy không tạo ra nhiều khác biệt). Và ở những mức độ nào đó về sự khoan dung tôn giáo, người Singapore bày tỏ quan điểm chấp nhận rộng rãi đối với các nhóm khác. Ví dụ, gần 9/10 người trưởng thành ở Singapore nói rằng Kitô giáo, Islam giáo, Hindu giáo và các tôn giáo truyền thống Trung Hoa đều tương thích với văn hóa và các giá trị của Singapore³.

Trong khi Singapore đôi khi nổi bật về mức độ khoan dung cao mà người dân nước này thể hiện, thì người trưởng thành ở Malaysia và Sri Lanka (đều 62%) thậm chí là có thể có tinh thần khoan dung hơn những người ở Singapore (56%) nói rằng, sự đa dạng về tôn giáo, sắc tộc và văn hóa mang lại lợi ích cho đất nước họ. Nói chung, sự khoan dung đối với các tôn giáo khác được tán thành rộng rãi ở cả sáu quốc gia. Trong tất cả các nhóm tôn giáo lớn, hầu hết mọi người đều nói rằng họ sẵn sàng chấp nhận các thành viên của các cộng đồng tôn giáo khác nhau như là những người hàng xóm. Ví dụ, 81% người theo Phật giáo ở Sri Lanka nói rằng họ sẽ sẵn sàng đón nhận những người hàng xóm theo Hindu giáo, và một tỷ lệ tương tự những người theo Hindu giáo ở Sri Lanka (85%) cũng nói như vậy về những người theo Phật giáo.

Và nhìn chung, người dân ở hầu hết các quốc gia được khảo sát có xu hướng coi các tôn giáo khác tương thích với văn hóa và giá trị quốc gia của họ. Ở Malaysia nơi có đa số người theo Islam giáo, có 67% người được hỏi cho rằng Phật giáo tương thích với văn hóa và giá trị của Malaysia. Và ngay cả ở Sri Lanka, nơi cuộc nội chiến đã kết thúc hơn một thập niên trước cuộc khảo sát này, 68% dân số nói rằng Kitô giáo và Hindu giáo tương thích với văn hóa và các giá trị của Sri Lanka – bao gồm 60% Phật tử của đất nước (cộng đồng chiếm đa số).

Các nhóm tôn giáo không chỉ phần lớn chấp nhận nhau như hàng xóm và đồng bào, mà trong nhiều trường hợp, còn có những dấu hiệu về những niềm tin và thực hành tôn giáo được chia sẻ giữa các dòng tôn giáo. Ví dụ, đại đa số trong hầu hết các cộng đồng tôn giáo lớn ở cả sáu quốc gia đều nói rằng nghiệp báo tồn tại, mặc dù niềm tin vào nghiệp báo (một ý niệm cho rằng mọi người sẽ gặt hái những lợi ích từ những hành động tốt của mình và trả giá cho những hành động xấu của họ, thường là trong cuộc sống tương lai) không có truyền thống gắn liền với tất cả các nhóm tôn giáo được khảo sát ở đây⁴.

Ngoài ra, nhiều người cầu nguyện hoặc bày tỏ lòng kính trọng đối với các vị thần hoặc các nhân vật sáng lập mà theo truyền thống không được coi là một phần trong thần điện thuộc tôn giáo của họ. Ví dụ, 66% người theo Hindu giáo ở Singapore nói rằng họ cầu nguyện hoặc bày tỏ sự kính trọng đối với Chúa Giêsu Kitô, và 62% người Islam giáo ở Sri Lanka cũng làm như vậy với vị thần Ganesh của Hindu giáo.

“Tôn kính” các vị thần - thường thông qua các cử chỉ như cúi đầu hoặc chắp tay - thường được hiểu trong khu vực này là hành động thờ cúng hoặc tôn kính các vị thần và có thể bao gồm nhiều tập tục khác nhau, chẳng hạn như thắp hương, dâng cúng đồ ăn hoặc gửi điều mong ước tới vị thần. Đây là những cử chỉ thể hiện sự tôn trọng hoặc tôn kính lớn lao, mặc dù chúng có thể không phù hợp với nhận thức chính thức của phương Tây về cầu nguyện hoặc thờ cúng.

Sự chia rẽ rõ ràng và căng thẳng giữa các nhóm tôn giáo

Bất chấp những biểu hiện khoan dung và pha trộn tôn giáo, bản sắc tôn giáo cũng có thể là ranh giới vững chắc giữa các nhóm ở khu vực này trên thế giới.

Trong thực tế, nhiều người ở các quốc gia được khảo sát nói rằng việc người dân từ bỏ tôn giáo hoặc chuyển sang một tôn giáo khác là điều không thể chấp nhận được. Ở Indonesia, 92% người Islam giáo nói rằng việc một người rời bỏ Islam giáo là không thể chấp nhận được, và 83% người theo Kitô giáo nói rằng việc rời bỏ Kitô giáo để theo một tôn giáo khác là không thể chấp nhận được.

Nhìn chung, người Islam giáo có tỷ lệ cao hơn các cộng đồng tôn giáo khác nói rằng việc rời bỏ đức tin của họ là không thể chấp nhận được. Nhưng đây cũng là quan điểm của hai phần ba số Phật tử trở lên ở Campuchia, Sri Lanka và Thái Lan – ba quốc gia có đa số dân theo Phật giáo trong nghiên cứu này.

Năm trong số sáu quốc gia được khảo sát, gần như tất cả người được hỏi vẫn đồng nhất với tôn giáo nơi họ lớn lên. Chỉ ở Singapore mới có một tỷ lệ khá lớn người trưởng thành (35%) cho biết tôn giáo của họ đã thay đổi trong suốt cuộc đời.

Hơn nữa, ở một số quốc gia, có một bộ phận đáng kể người dân coi các tôn giáo khác là *không tương thích* với văn hóa và giá trị quốc gia của họ. Ví dụ, 45% Phật tử Sri Lanka nói rằng Islam giáo không tương

thích với các giá trị của Sri Lanka, trong khi 38% người Islam giáo Indonesia nói rằng Phật giáo không tương thích với văn hóa Indonesia.

Ở một số quốc gia, cũng có một tỷ lệ khá lớn người Islam giáo nói rằng Phật giáo *không* yên bình, và ngược lại một số phật tử nói rằng Islam giáo *không* yên bình. Người Islam giáo ở Malaysia đặc biệt coi Phật giáo là không yên bình (42%), trong khi 36% phật tử Thái Lan cho rằng Islam giáo không yên bình.

Ở một số quốc gia, có tỷ lệ đáng kể thể hiện cảm xúc tiêu cực về Kitô giáo và Hindu giáo. Chẳng hạn, ở Indonesia, 21% người Islam giáo được khảo sát nói rằng Kitô giáo không yên bình.

Những mô thức niềm tin độc đáo ở một khu vực có tính tôn giáo cao

Nhìn chung, các quốc gia được khảo sát đều có mức độ tôn giáo cao theo nhiều thước đo – bao gồm sự gắn kết, các niềm tin và thực hành. Ví dụ, gần như tất cả những người được hỏi ở năm trong số sáu quốc gia được khảo sát đều xác định mình theo một nhóm tôn giáo nào đó và đa số ở cùng năm quốc gia này cho biết tôn giáo rất quan trọng trong cuộc sống của họ – bao gồm 98% ở Indonesia và 92% ở Sri Lanka.

Ngoại lệ duy nhất đối với cả hai thước đo này là Singapore, nơi 22% người được hỏi không theo bất kỳ tôn giáo nào và chỉ 36% người trưởng thành được hỏi nói rằng tôn giáo rất quan trọng trong cuộc sống của họ.

Tuy nhiên, ngay cả ở Singapore, đại đa số người trưởng thành được khảo sát (87%) nói rằng họ tin vào Chúa hoặc những đấng vô hình, và khoảng 7/10 nói rằng họ nghĩ nghiệp báo và số phận tồn tại. Những niềm tin này phổ biến ở tất cả các quốc gia trong cuộc khảo sát, cũng như quan điểm cho rằng bùa chú, lời nguyền hoặc các phép thuật khác có thể ảnh hưởng đến cuộc sống của con người. Khoảng một nửa số người trưởng thành trở lên ở mỗi quốc gia có quan điểm này, trong đó có 55% ở Singapore và 78% ở Campuchia.

Thực hành tôn giáo

Tỷ lệ thực hành tôn giáo cụ thể thường liên quan đến thành phần tôn giáo của mỗi quốc gia. Ví dụ, đại đa số ở Campuchia (96%), Sri Lanka (92%) và Thái Lan (84%) cho biết họ có thấp hương; cả ba

quốc gia đều là những quốc gia có đa số dân theo Phật giáo, và những người theo Phật giáo trên khắp Nam Á thấp hơn nhiều hơn những người theo Hindu giáo, Kitô giáo hoặc Islam giáo. Thiên cũng chiếm tỷ lệ cao nhất ở các quốc gia có đa số người theo Phật giáo là Thái Lan và Sri Lanka (mỗi quốc gia 62%), mặc dù những người theo Hindu giáo trong khu vực có tỷ lệ cao hơn những người theo Phật giáo nói rằng họ thực hành thiên.

Ngược lại, việc cầu nguyện hàng ngày lại phổ biến nhất ở Indonesia và Malaysia, hai quốc gia có đa số dân theo Islam giáo trong cuộc khảo sát này. Trên toàn khu vực này, người Islam giáo thường nói rằng họ cầu nguyện ít nhất một lần mỗi ngày chứ không phải là những người theo Hindu giáo, Kitô giáo hoặc Phật giáo.

Bằng nhiều thước đo, những người trưởng thành không theo tôn giáo nào ở Singapore nằm trong số những người ít tôn giáo hoặc ít tâm linh nhất trong khu vực. Tuy nhiên, một lượng lớn người Singapore không theo tôn giáo nào cũng thể hiện một số niềm tin tôn giáo hoặc tâm linh hoặc tuân theo một số thực hành.

Cầu nguyện hoặc tôn kính các nhân vật thuộc tôn giáo khác

Tại các quốc gia được khảo sát, nhiều tín ngưỡng và thực hành tôn giáo được chia sẻ bởi các cộng đồng tôn giáo khác nhau. Điều này bao gồm xu hướng thể hiện sự tôn trọng - hoặc thậm chí cầu nguyện - các vị thần hoặc nhân vật tôn giáo thường gắn liền với một niềm tin tôn giáo khác.

Ví dụ, gần 1/5 số Phật tử Singapore (18%) nói rằng họ cầu nguyện hoặc bày tỏ lòng kính trọng với Allah, trong khi gần một nửa số người theo Hindu giáo ở Malaysia (47%) nói rằng họ cầu nguyện hoặc bày tỏ lòng kính trọng với Chúa Giêsu.

Nhìn chung, những người theo Hindu giáo thường cầu nguyện hoặc bày tỏ lòng kính trọng đối với các vị thần hoặc những nhân vật sáng lập tôn giáo không gắn liền với cộng đồng của họ, trong khi những người theo Islam giáo nói chung ít làm điều này. Ví dụ, ở Singapore, 66% người theo Hindu giáo và chỉ 9% người theo Islam giáo nói rằng họ cầu nguyện hoặc tôn kính Chúa Giêsu. Trên thực tế, những người trưởng thành không theo tôn giáo nào ở Singapore (16%) nhiều hơn những người Islam giáo ở đất nước này nói rằng họ cầu nguyện hoặc bày tỏ lòng kính trọng đối với Chúa Giêsu.

Sri Lanka, một quốc đảo ở phía Nam Ấn Độ, cũng nổi bật là nơi mọi người cầu nguyện hoặc bày tỏ lòng kính trọng đối với các nhân vật và vị thần sáng lập - cả những vị thần gắn liền với tôn giáo của họ và những vị thần thuộc các tôn giáo khác. Ví dụ, 48% người theo Kitô giáo ở Sri Lanka nói rằng họ cầu nguyện hoặc bày tỏ lòng kính trọng đối với Ganesh, vị thần khởi đầu của Hindu giáo, người được coi là người xóa bỏ các chướng ngại vật. Nhưng ở các quốc gia khác được khảo sát, chỉ có khoảng 5% người theo Kitô giáo làm như vậy. Và 71% người Islam giáo trên quốc đảo này nói rằng họ cầu nguyện hoặc tỏ lòng tôn kính Đức Phật, trong khi rất ít người Islam giáo ở các quốc gia khác được khảo sát thực hiện điều này.

Ngoài Đức Phật, Thượng đế Allah, Chúa Giêsu và Ganesh, cuộc khảo sát còn hỏi về Đức Mẹ Maria, Shiva, Quan Âm và các “thần hộ mệnh” nói chung.

Các thực hành tang lễ mang tính tôn giáo

Các nghi lễ xung quanh cái chết rất quan trọng đối với tất cả các nhóm tôn giáo lớn ở các quốc gia được khảo sát. Ví dụ, hầu hết người dân ở các quốc gia có đa số theo Phật giáo, như: Campuchia (84%), Sri Lanka (80%) và Thái Lan (80%), cũng như ở các nước có đa số người theo Islam giáo là Indonesia (72%) và Malaysia (61%), nói rằng điều rất quan trọng là mời một chức sắc tôn giáo đọc kinh hoặc thuyết giảng nếu họ tổ chức tang lễ cho một thành viên trong gia đình hoặc người thân.

Hầu hết người dân ở các quốc gia có đa số dân theo Phật giáo được khảo sát cũng cho biết việc thực hiện các nghi lễ cho người thân trong chùa hoặc những nơi thờ cúng khác và lập điện thờ hoặc bàn thờ cho người đã khuất là rất quan trọng⁵. Bàn thờ được các phật tử đặc biệt coi trọng ở những quốc gia này, ví dụ, 63% phật tử Thái Lan nói rằng việc lập bàn thờ sẽ rất quan trọng, so với 6% người Thái theo Islam giáo cũng nói như vậy về đền thờ. Nhiều người thuộc các nhóm tôn giáo cũng cho rằng việc quyên góp nhân danh người thân đã qua đời là rất quan trọng, bao gồm 71% người theo Kitô giáo ở Indonesia, 61% người theo Islam giáo ở Malaysia và 70% theo Phật giáo ở Campuchia.

Người dân Singapore nhìn chung có xu hướng thấp hơn so với người dân ở các nước láng giềng trong việc nói rằng mỗi nghi lễ trong số bốn nghi lễ của lễ tang đều rất quan trọng, mặc dù hơn một nửa số

người Singapore nói rằng mỗi nghi lễ ít nhất cũng quan trọng phần nào nếu họ lên kế hoạch tổ chức tang lễ cho người thân.

Ở khắp các quốc gia được khảo sát, các nghi lễ xung quanh người thân qua đời không kết thúc sau đám tang. Hầu hết người dân ở năm trong sáu quốc gia được khảo sát (ngoại trừ Malaysia) cho biết có người trong gia đình họ thực hiện các nghi lễ tưởng nhớ ngày mất của người thân, trong đó 93% ở Sri Lanka và 90% ở Thái Lan. Loại nghi lễ này vượt qua các ranh giới tôn giáo, với Sri Lanka là một ví dụ điển hình: Khoảng 8/10 người theo Phật giáo, người Islam giáo, người theo Kitô giáo và người theo Hindu giáo trong nước nói rằng có người trong gia đình họ thực hiện các nghi lễ vào ngày giỗ.

Việc xây dựng một nghĩa trang gia đình để hài cốt của các thành viên trong gia đình cũng khá phổ biến ở các quốc gia này. Khoảng một nửa số người được hỏi ở năm trong số sáu quốc gia được khảo sát (trừ Sri Lanka) nói rằng đúng như vậy. Trong số những người có nghĩa trang gia đình, hầu hết mọi người đều cho biết họ chăm sóc nó bằng cách quét dọn hoặc lau chùi. Việc mọi người trả tiền để duy trì nghĩa trang gia đình thường ít phổ biến hơn.

Theo một số thước đo, người lớn tuổi sùng đạo hơn người trẻ tuổi

Vì đây là lần đầu tiên Trung tâm Nghiên cứu Pew thực hiện một cuộc khảo sát toàn quốc về tôn giáo ở hầu hết các quốc gia này nên cơ hội để xem xét niềm tin và thực hành tôn giáo đang thay đổi như thế nào theo thời gian là rất hạn chế⁶. Nhưng, sự khác biệt giữa người lớn tuổi và người trẻ tuổi có thể mang lại manh mối về việc mỗi quốc gia đang thay đổi về mặt tôn giáo như thế nào⁷.

Tại năm trong số sáu quốc gia được khảo sát, gần như toàn bộ người trẻ và người lớn tuổi đều xác định theo một tôn giáo. Chỉ ở Singapore, những người trẻ tuổi (từ 18 đến 34) có thể không theo tôn giáo nào so với những người lớn tuổi (26% so với 20%).

Tuy nhiên, ở khắp các quốc gia được khảo sát, người lớn tuổi theo đạo nhiều hơn những người ở độ tuổi từ 18 đến 34 theo một số thước đo tiêu chuẩn - phù hợp với các mô hình chung được thấy trong phân tích của Trung tâm năm 2018 về khoảng cách tuổi tác trong thể hiện sự sùng đạo trên toàn thế giới.

Ví dụ, ở Thái Lan, Campuchia, Singapore và Sri Lanka, những người từ 35 tuổi trở lên nói rằng tôn giáo rất quan trọng trong cuộc

sống của họ (điều này không xảy ra ở hai quốc gia có đa số dân theo Islam giáo được khảo sát, nơi có rất ít sự khác biệt về thước đo này giữa các nhóm tuổi).

Ở hầu hết các quốc gia được khảo sát, người lớn tuổi thường cho rằng các hoạt động tôn giáo khác nhau sẽ rất quan trọng đối với tang lễ của người thân. Ví dụ, khoảng 4/10 người lớn tuổi ở Singapore nói rằng nếu họ đang lên kế hoạch tổ chức tang lễ cho một thành viên trong gia đình hoặc người thân; việc thực hiện các nghi lễ ở chùa, thánh đường Islam giáo hoặc các nơi khác dành cho thờ cúng linh hồn người thân đã khuất là rất quan trọng. Chỉ 1/3 thanh niên ở Singapore nói điều này.

Tuy nhiên, trong nhiều hoạt động tôn giáo và tín ngưỡng, người già và người trẻ phần lớn đều giống nhau. Ví dụ, tỷ lệ tương tự giữa người lớn tuổi và người trẻ tuổi ở cả sáu quốc gia đều nói rằng họ sử dụng những đồ vật đặc biệt để cầu phúc hoặc bảo vệ.

Hơn nữa, ở một số quốc gia, người lớn tuổi (từ 35 tuổi trở lên) có tỷ lệ ít hơn những người trẻ tuổi nói rằng họ tin vào những Đấng vô hình, như: các vị thần hoặc linh hồn. Ví dụ, 61% người lớn tuổi ở Malaysia nói rằng họ nghĩ rằng có những Đấng vô hình trên thế giới, so với 67% người trẻ tuổi ở cùng quốc gia.

Ở một số quốc gia, Phật tử trẻ tuổi cho rằng, việc một người rời bỏ Phật giáo để theo một tôn giáo khác là điều có thể chấp nhận được. Ví dụ, những Phật tử trẻ tuổi ở Thái Lan có xu hướng chấp nhận việc rời bỏ Phật giáo cao gấp đôi so với những người lớn tuổi (46% so với 22%).

Trong số những người Islam giáo, chỉ ở Singapore những người trẻ tuổi có xu hướng chấp nhận việc rời bỏ Islam giáo để theo một tôn giáo khác so với những người Islam giáo lớn tuổi (25% so với 9%).

Tỷ lệ người Singapore xác định là Kitô giáo hoặc không tôn giáo đang gia tăng

Singapore khác với các quốc gia khác được khảo sát ở chỗ nước này không có tôn giáo chiếm đa số, và do đó không có tôn giáo duy nhất nào gắn liền rõ ràng với bản sắc quốc gia Singapore.

Nó cũng nổi bật theo một cách khác: Trong khi gần như tất cả người trưởng thành được khảo sát ở các quốc gia khác vẫn đồng nhất với tôn giáo mà họ lớn lên, thì người Singapore khẳng định như vậy

lại ít hơn nhiều (64%). Sự “chuyển đổi tôn giáo” này đã dẫn đến sự sụt giảm, đặc biệt là tỷ lệ người Singapore xác định là Phật tử hoặc theo các tôn giáo truyền thống Trung Hoa, và làm tăng tỷ lệ những người theo Kitô giáo hoặc không theo tôn giáo nào.

Trong số những người trưởng thành ở Singapore, 32% nói rằng họ lớn lên theo Phật giáo, cao hơn đáng kể so với tỷ lệ người xác định là Phật tử hiện tại (26%). Khoảng cách thậm chí còn lớn hơn khi nói đến tỷ lệ người đồng nhất với các tôn giáo truyền thống Trung Hoa, như: Đạo giáo, Nho giáo hoặc các tôn giáo địa phương của người Hoa: 15% cho biết họ được nuôi dưỡng theo những truyền thống tôn giáo này, trong khi ngày nay chỉ có 6% đồng nhất với các tôn giáo truyền thống Trung Hoa.

Ngược lại, tỷ lệ người Singapore xác định theo Kitô giáo hiện tại cao hơn tỷ lệ những người nói rằng họ lớn lên theo Kitô giáo (17% so với 11%). Điều này cũng đúng đối với những người trưởng thành ở Singapore không theo bất kỳ tôn giáo nào: 22% người trưởng thành nói rằng ngày nay họ không theo tôn giáo nào, so với 13% nói rằng họ lớn lên không theo tôn giáo nào.

Tuy nhiên, câu chuyện về sự thay đổi tôn giáo ở Singapore không chỉ đơn giản là việc các Phật tử và những người theo các tôn giáo truyền thống Trung Hoa đang rời bỏ niềm tin thời thơ ấu của họ để theo Kitô giáo hoặc không theo tôn giáo nào.

Ví dụ, trong khi 13% người trưởng thành ở Singapore lớn lên theo Phật giáo nhưng không còn xác định là Phật tử nữa thì tỷ lệ xác định là Phật tử chỉ giảm 6%, vì 7% người Singapore trưởng thành chuyển sang Phật giáo (hoặc từ một tôn giáo khác với tôn giáo thời thơ ấu hoặc không theo tôn giáo nào).

Và trong khi 15% dân số trưởng thành của đất nước đã từ bỏ tôn giáo thời thơ ấu để không theo tôn giáo nào, tỷ lệ người Singapore xác định không theo tôn giáo nào chỉ tăng 0.9 điểm, vì 6% dân số trưởng thành đã chuyển đến sống ở đây theo hướng ngược lại: họ là những người lớn lên không theo tôn giáo nào nhưng sau đó đã gia nhập một tôn giáo (chủ yếu là Phật giáo hoặc Kitô giáo).

Trong khi tình trạng xáo trộn tôn giáo còn tiếp diễn và các yếu tố khác cũng sẽ ảnh hưởng đến thành phần tôn giáo trong tương lai của Singapore, thì cách mà các bậc cha mẹ đang nuôi dạy con cái hiện tại cho thấy rằng tỷ lệ Phật tử có thể tiếp tục giảm trong tổng dân số.

Chỉ có 2/3 các bậc cha mẹ theo Phật giáo nói rằng họ đang nuôi dạy con cái theo Phật giáo; khoảng 1/4 các bậc cha mẹ theo Phật giáo (27%) nói rằng con cái của họ đang được nuôi dạy mà không theo tôn giáo nào. Ngược lại, tỷ lệ cha mẹ theo Islam giáo (99%) và theo Kitô giáo (90%) ở Singapore nói rằng họ đang nuôi dạy con cái theo Islam giáo và Kitô giáo cao hơn nhiều. Và cuộc khảo sát cho thấy 85% cha mẹ không theo tôn giáo nào đang nuôi dạy con cái họ không theo tôn giáo nào.

Những ai ở Singapore không theo tôn giáo nào và họ tin vào điều gì?

Trái ngược hoàn toàn với các cộng đồng dân cư lân cận, trong đó hầu hết mọi người đều tuyên bố theo tôn giáo, khoảng 1/5 người Singapore không xác định theo bất kỳ tôn giáo nào - một nhóm đôi khi được gọi là “không tôn giáo”. Những người “không tôn giáo” ở Singapore phần lớn là người gốc Hoa và hầu hết có trình độ đại học.

Theo một số thước đo, dân số không theo tôn giáo của Singapore dường như không có tính tôn giáo hay tâm linh nhiều. Ví dụ, chỉ có 3% số người “không tôn giáo” trong cả nước nói rằng tôn giáo rất quan trọng trong cuộc sống của họ, so với 36% người trưởng thành ở Singapore nói chung.

Nhưng với tư cách là một nhóm, những người không theo tôn giáo nào ở Singapore không hoàn toàn từ chối các niềm tin và thực hành tôn giáo hoặc tâm linh. Gần 2/3 số người “không tôn giáo” (65%) nói rằng họ nghĩ nghiệp báo tồn tại và 43% nói rằng một người có thể cảm nhận được sự hiện diện của các thành viên trong gia đình đã qua đời – gần tương đương với tỷ lệ của người Islam giáo (47%) và Kitô giáo (43%) ở Singapore cũng nói như vậy.

Khi được hỏi về việc lên kế hoạch tổ chức tang lễ cho một thành viên trong gia đình hoặc người thân, nhiều người “không tôn giáo” ở Singapore cũng coi trọng các hoạt động có thể được coi là tâm linh hoặc tôn giáo.

Ví dụ, 52% những người không theo tôn giáo nào nói rằng việc thực hiện các nghi lễ ở nơi thờ cúng linh hồn của người thân đã khuất là điều quan trọng và 46% cho rằng việc lập bàn thờ cho người thân đã khuất là điều quan trọng.

Tất cả những người tham gia cuộc khảo sát đều được hỏi liệu họ có tin vào Chúa hay không và liệu họ có nghĩ rằng có những Đấng vô hình trên thế giới, như các vị thần hay linh hồn hay không?

Khoảng 4/10 người Singapore không theo tôn giáo nào (41%) nói rằng họ tin vào Chúa, và một tỷ lệ nhỏ (56%) nghĩ rằng có những Đấng vô hình trên thế giới. Khoảng 6/10 người Singapore “không tôn giáo” (62%) có ít nhất một trong những niềm tin này.

Phụ nữ là những người “không tôn giáo” có khả năng tin vào Chúa và/hoặc những Đấng vô hình nhiều hơn nam giới không theo tôn giáo nào (68% so với 57%). Ngoài ra, những người Singapore lớn lên trong một tôn giáo nhưng khi trưởng thành không theo tôn giáo nào có khả năng tin vào Chúa hoặc những Đấng vô hình (66%) nhiều hơn những người Singapore lớn lên mà không theo tôn giáo nào và ngày nay vẫn là “không tôn giáo” (52%).

Theo gần như mọi thước đo được đưa vào cuộc khảo sát, những người không theo tôn giáo nào nói rằng họ tin vào Chúa và/hoặc những Đấng vô hình (“những người không tin”) có khả năng kết nối với các khái niệm tôn giáo và tâm linh cao hơn những người “không tôn giáo”. Ví dụ, đại đa số những người “không tin” cũng nghĩ rằng nghiệp báo tồn tại (84%), nhưng chỉ 36% những người “không tôn giáo” ở Singapore tin vào nghiệp báo. Và những người không theo tôn giáo nào tin vào Chúa và/hoặc những Đấng vô hình có tỷ lệ cao hơn những người khác nói rằng điều quan trọng là thực hiện các nghi lễ ở nơi thờ cúng linh hồn của người thân đã khuất khi lên kế hoạch tổ chức tang lễ (63% so với 36%).

Những người liên kết bản sắc tôn giáo và bản sắc quốc gia khác với những người khác như thế nào

Như đã giải thích ở trên, nhiều thành viên thuộc tôn giáo chiếm đa số ở mỗi quốc gia (phật tử ở Campuchia, Sri Lanka và Thái Lan, cũng như người Islam giáo ở Indonesia và Malaysia) nói rằng việc trở thành thành viên của nhóm tôn giáo của họ để thực sự chia sẻ bản sắc quốc gia của họ là rất quan trọng. Nhiều người cũng nói rằng họ muốn luật pháp của xã hội phải dựa trên giáo lý tôn giáo của họ.

Những người đảm nhận một trong những vị trí này đặc biệt có khả năng đảm nhận vị trí kia. Và những người bày tỏ cả hai quan điểm được gọi trong phần này là “những người theo chủ nghĩa hợp nhất tôn giáo-nhà nước” (*religion-state integrationists*) (nói rộng ra, sự hợp

nhất tôn giáo-nhà nước có thể được hiểu là sự đối lập với “sự phân ly giáo hội và nhà nước”, với nguyên tắc rằng quyền lực của nhà nước không được sử dụng để ép buộc hoặc thúc đẩy tôn giáo, vốn được tuân theo về mặt pháp lý hoặc truyền thống ở Mỹ và một số nước khác).

Phần lớn người Islam giáo ở Indonesia (57%) và Malaysia (69%) là những người theo chủ nghĩa hợp nhất tôn giáo-nhà nước, cũng như hầu hết những người theo Phật giáo ở Sri Lanka (72%) và Campuchia (75%). Một thiểu số khá lớn phật tử Thái Lan (45%) cũng thuộc loại này.

“Những người theo chủ nghĩa hợp nhất tôn giáo-nhà nước” là những người mộ đạo đặc biệt

Những người theo chủ nghĩa hợp nhất tôn giáo-nhà nước nổi bật so với các thành viên khác trong cộng đồng tôn giáo của họ về nhiều mặt. Họ thậm chí còn sùng đạo hơn những người khác, xét trên nhiều phương diện. Ví dụ, trong số những phật tử Campuchia, những người nói rằng việc trở thành phật tử thực sự là người Campuchia rất quan trọng và luật pháp Campuchia phải dựa trên Phật pháp nhiều hơn những phật tử khác nói rằng tôn giáo rất quan trọng trong cuộc sống của họ (72% so với 48%).

Thái độ liên quan đến đám tang cũng có sự chia rẽ tương tự. Ví dụ, khoảng 3/4 những người theo chủ nghĩa hợp nhất tôn giáo-nhà nước trong cộng đồng Islam giáo ở Indonesia nói rằng việc mời một Imam hoặc tu sĩ đứng đầu dòng tu Sufi (Sheikh) đọc kinh hoặc thuyết giảng là rất quan trọng khi lên kế hoạch cho tang lễ của một thành viên trong gia đình, so với khoảng 2/3 số người Islam giáo khác ở nước này (77% so với 64%).

Những người theo chủ nghĩa hợp nhất tôn giáo-nhà nước:

Có nhiều người theo Phật giáo hoặc người Islam giáo ở nước họ ủng hộ sự tham gia của các nhà lãnh đạo tôn giáo vào chính trị.

Ít có khả năng muốn có hàng xóm từ các tôn giáo thiểu số.

Có khả năng nhận thấy các mối đe dọa đối với tôn giáo của họ từ các cộng đồng tôn giáo thiểu số.

Những mối quan hệ này thường được duy trì ngay cả khi xem xét tương quan với các yếu tố khác, chẳng hạn như mức độ tôn giáo cá nhân, tuổi tác, giới tính và trình độ học vấn. Nói cách khác, mối tương quan giữa các quan điểm về mối quan hệ giữa tôn giáo và nhà nước và

các ý kiến về những vấn đề khác này tồn tại vượt trên thực tế là những người theo chủ nghĩa hợp nhất tôn giáo-nhà nước thiên về tôn giáo hơn. Những người theo chủ nghĩa hợp nhất tôn giáo-nhà nước ở Campuchia đôi khi thách thức các mô hình được thấy ở bốn quốc gia được khảo sát khác.

Tôn giáo trong chính trị

Không ngạc nhiên rằng, so với những người theo các trào lưu khác trong cộng đồng của họ, những người theo chủ nghĩa hợp nhất tôn giáo-nhà nước có xu hướng ủng hộ hơn đối với sự tham gia trực tiếp của các nhà lãnh đạo tôn giáo vào chính trị.

Ví dụ, ở Thái Lan, những phật tử gắn kết bản sắc Phật giáo vào bản sắc Thái Lan cho rằng luật pháp Thái Lan nên dựa trên Phật pháp cao gấp đôi so với những phật tử khác cho rằng các nhà lãnh đạo tôn giáo nên là chính trị gia (31% so với 16%).

Tuy nhiên, ngay cả trong số những người theo chủ nghĩa hợp nhất nhà nước-tôn giáo Phật giáo thì khoảng một nửa hoặc ít hơn cho rằng các nhà lãnh đạo tôn giáo nên là chính trị gia, nói chuyện công khai về các chính trị gia mà họ ủng hộ hoặc tham gia vào các cuộc mít tinh chính trị. Người Islam giáo ở Indonesia và Malaysia có xu hướng ủng hộ sự tham gia của các nhà lãnh đạo tôn giáo vào lĩnh vực chính trị.

Các thành viên của cộng đồng tôn giáo đa số liên kết chặt chẽ tôn giáo của họ với bản sắc dân tộc cũng nói rằng việc thiếu tôn trọng đất nước của họ sẽ khiến một người nào đó không đủ tư cách trở thành một phần thực sự tôn giáo của họ. Trong số những phật tử Sri Lanka, 73% những người theo chủ nghĩa hợp nhất tôn giáo-nhà nước nói rằng nếu một người không tôn trọng Sri Lanka, họ không thể là phật tử thực sự - nhiều hơn đáng kể so với tỷ lệ những phật tử Sri Lanka khác nói rằng việc không tôn trọng Sri Lanka sẽ khiến ai đó không đủ tư cách trở thành phật tử (62%).

Quan điểm đối với các tôn giáo thiểu số

Chủ nghĩa dân tộc Phật giáo có liên quan đến sự đối kháng và bạo lực giữa phật tử và tôn giáo thiểu số ở các quốc gia do Phật giáo Nam truyền thống trị, kể cả trong cuộc nội chiến ở Sri Lanka. Tương tự, một số học giả đã khẳng định rằng có mối liên hệ giữa “chủ nghĩa dân tộc tôn giáo” đang nổi lên và tư tưởng bài ngoại ở Indonesia - quốc gia có đa số dân theo Islam giáo.

Nói chung, những người nói rằng điều quan trọng là trở thành một thành viên trong cộng đồng tôn giáo của họ là phải thực sự chia sẻ bản sắc dân tộc và họ muốn luật pháp của xã hội dựa trên tôn giáo của họ thì ít khả năng coi các tôn giáo khác tương thích với văn hóa và các giá trị đất nước của họ. Họ cũng ít có khả năng chấp nhận những người theo các tôn giáo khác làm hàng xóm - mặc dù hầu hết những người theo chủ nghĩa hợp nhất tôn giáo - nhà nước nói rằng họ sẽ sẵn sàng chấp nhận những người thuộc các tôn giáo khác làm hàng xóm.

Ví dụ, trong số những người Islam giáo ở Indonesia, những người Islam giáo theo chủ nghĩa hợp nhất tôn giáo - nhà nước nói rằng Kitô giáo tương thích với văn hóa và các giá trị của Indonesia chiếm tỷ lệ 53%, hoặc nói rằng họ sẽ chấp nhận những người theo Kitô giáo là hàng xóm chiếm tỷ lệ 64%. Mô hình này được áp dụng rộng rãi khi hỏi về các cộng đồng tôn giáo khác, chẳng hạn, người theo Hindu giáo và những người theo tôn giáo truyền thống Trung Quốc.

Tuy nhiên, Phật tử Campuchia nổi bật hơn. Không có sự khác biệt đáng kể giữa những người theo chủ nghĩa hợp nhất tôn giáo-nhà nước và các Phật tử khác ở Campuchia về bất kỳ câu hỏi nào về sự tương thích của các tôn giáo khác với văn hóa và giá trị của Campuchia hoặc các nước láng giềng tiềm năng.

Những người liên kết tôn giáo với bản sắc quốc gia và cho rằng luật pháp quốc gia của họ nên dựa trên tôn giáo nói rằng số lượng ngày càng tăng của các nhóm tôn giáo thiểu số khác nhau là mối đe dọa đối với Phật giáo hoặc Islam giáo ở đất nước họ.

Ví dụ, 3/10 Phật tử Thái Lan là những người theo chủ nghĩa hợp nhất tôn giáo-nhà nước nói rằng số lượng tín đồ Kitô giáo ngày càng tăng ở Thái Lan là mối đe dọa đối với Phật giáo Thái Lan - hơn 21% Phật tử Thái Lan khác bày tỏ quan điểm này.

(Những câu hỏi này được thiết kế để đánh giá sự quan tâm về Nhân khẩu học, bất kể những nhóm dân số thiểu số này có thực sự tăng trưởng ở các quốc gia được khảo sát hay không).

Nhìn chung, những người theo chủ nghĩa hợp nhất tôn giáo-nhà nước cũng có tỷ lệ nhiều hơn những người theo Phật giáo hoặc Islam giáo khác khi nói rằng khách du lịch từ các quốc gia khác và ảnh hưởng của Trung Quốc là mối đe dọa đối với Phật giáo và Islam giáo ở đất nước họ.

Tuy nhiên, họ không còn coi những kẻ cực đoan trong cộng đồng của họ là mối đe dọa đối với Phật giáo hay Islam giáo ở đất nước họ. Ví dụ, trong số những người theo Phật giáo ở Sri Lanka, khoảng 3/4 những người theo chủ nghĩa hợp nhất tôn giáo-nhà nước và những người khác nói rằng các phần tử Phật giáo cực đoan là mối đe dọa đối với Phật giáo ở Sri Lanka (lần lượt là 73% và 75%).

Tương tự, nhìn chung không có sự khác biệt giữa các nhóm trong một quốc gia khi được hỏi liệu ảnh hưởng của Mỹ có phải là mối đe dọa hay không.

Cũng như các chủ đề khác, không có sự khác biệt đáng kể nào về các mối đe dọa được nhận thức đối với Phật giáo ở Campuchia giữa những người theo Phật giáo thuộc hoặc không thuộc nhóm những người theo chủ nghĩa hợp nhất tôn giáo-nhà nước./.

Người dịch: **Nguyễn Bình**
Viện Nghiên cứu Tôn giáo

CHÚ THÍCH:

- 1 Campuchia, Sri Lanka và Thái Lan là ba trong số bảy quốc gia trên thế giới có đông đảo tín đồ Phật giáo. Bốn quốc gia còn lại (Butan, Lào, Myanmar và Mông Cổ) không được khảo sát vì những khó khăn về chính trị và/hoặc chi phí.
- 2 Trong khi cuộc khảo sát ở Malaysia năm 2022 được thực hiện qua điện thoại thì cuộc khảo sát năm 2011-2012 được tiến hành trực tiếp.
- 3 Trong khi Trung tâm Nghiên cứu Pew có thể tiến hành khảo sát một cách tự do ở Singapore thì độc giả cũng nên lưu ý trong báo cáo này quyền **tự do biểu đạt** và **tự do báo chí** bị hạn chế ở Singapore. Các học giả đã lưu ý, ở Singapore, “người dân thường kiềm chế bày tỏ quan điểm của mình khi họ tin rằng chính phủ không đồng tình với ý kiến của họ”. Chính phủ Singapore đã rất chú trọng đến việc duy trì sự hòa hợp tôn giáo, vì vậy những câu hỏi về các cộng đồng tôn giáo khác có thể bị ảnh hưởng bởi xu hướng này. Tuy nhiên, nghiên cứu cũng cho thấy rằng khi chính phủ không có lập trường rõ ràng về một chủ đề nào đó, người Singapore sẵn sàng bày tỏ ý kiến của mình hơn.
- 4 Nguồn gốc tôn giáo của nghiệp báo đang được các học giả tranh luận, nhưng khái niệm này có nguồn gốc sâu xa trong Hindu giáo, Phật giáo, Sikh giáo và Kỳ na giáo.
- 5 Trong bối cảnh này, bàn thờ tang lễ có thể được hiểu là một địa điểm nâng cao dành riêng cho việc tưởng nhớ người đã khuất, điển hình là tại nhà của một thành viên trong gia đình. Nó có thể khác biệt với bàn thờ

chính của gia đình (nếu có) hoặc kết hợp với các đồ vật linh thiêng khác. Bàn thờ tưởng niệm thường có thể bao gồm: hình ảnh người đã khuất, nơi bày hoa, bát cơm nhỏ, đồ uống (thường là trà) hoặc nhang. Hải cốt hỏa táng cũng có thể được đặt trên bàn thờ.

- 6 Trong năm 2011-2012, Trung tâm Nghiên cứu Pew đã khảo sát các quốc gia có dân số Islam giáo đáng kể trên khắp thế giới, bao gồm Indonesia và Malaysia. (Cuộc khảo sát trước đây cũng bao gồm những người theo Islam giáo ở Thái Lan, nhưng các cuộc phỏng vấn chỉ được thực hiện ở các tỉnh cực Nam của đất nước.) Do có sự khác biệt trong cách diễn đạt và dịch các câu hỏi, nên chỉ có thể thực hiện những so sánh hạn chế về tính tôn giáo giữa cuộc khảo sát năm 2011-2012 và cuộc khảo sát năm 2022, nhưng những phát hiện này cho thấy người Islam giáo ở cả hai nước đều khá sùng đạo. Ví dụ, trong năm 2011-2012, ít nhất 9/10 người Islam giáo ở Indonesia và Malaysia cho biết tôn giáo rất quan trọng trong cuộc sống của họ, và ít nhất 9/10 người Islam giáo ở cả hai nước đều nói như vậy trong cuộc khảo sát mới. Trong khi cuộc khảo sát ở Malaysia năm 2022 được thực hiện qua điện thoại thì cuộc khảo sát ở Malaysia năm 2011-2012 được thực hiện trực tiếp.
- 7 Tuy nhiên, sự khác biệt giữa những người trả lời lớn tuổi và trẻ tuổi không nhất thiết là dấu hiệu của những thay đổi trong xã hội theo thời gian. Trong một số bối cảnh, người lớn có xu hướng trở nên sùng đạo hơn khi họ già đi, có lẽ là do kết hôn và sinh con.